

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 /12/2020

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Chuyên  
2. Ông Ngô Văn Bê

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang

***-Bị đơn:*** Lê Công G, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Lê Công G tại Việt Nam: Thôn M, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 08/9/2020 nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh Lê Công G kết hôn vào ngày 21/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh G và sống chung cùng gia đình anh G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã và anh G thừa nhận là người đồng tính. Đến năm 2019 gia đình anh G có thu xếp cho anh G đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau khi sang Đài Loan thì anh G cũng ít liên lạc hơn và nói chuyện thường hay mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nên từ tháng 6/2018 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Công G.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2016. Hiện nay cháu đang ở với anh G và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh Lê Công G nuôi dưỡng. Về phí tổn nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

*Về tài sản, công nợ:* Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh G vẫn ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh G ở Đài Loan chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh G, anh G vẫn liên lạc về gia đình nhưng mẹ đẻ anh G là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, trú tại: xóm M, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang cố tình giấu địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh G được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Công G.

*Bị đơn anh Lê Công G không có bản tự khai.*

Ngày 12/10/2020 và ngày 28/10/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã lập biên bản với mẹ đẻ của anh Lê Công G là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, trú tại: xóm M, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà K thông báo cho anh G biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: chị Lê Thị H và anh Lê Công G; yêu cầu anh G viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà K cung cấp địa chỉ cụ thể của anh G ở Đài Loan. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà K vẫn giữ nguyên quan điểm là anh G ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh G ở Đài Loan cho Tòa án, vì đây là việc cá

nhân của anh G, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh G biết để anh gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh G gửi về.

*Bà Nguyễn Thị K là mẹ anh G trình bày:* Bà là bà nội của cháu Lê Thị Phương A, hiện nay cháu Lê Thị Phương A đang ở cùng với ông bà, cháu được học hành và phát triển bình thường, con trai bà là anh Lê Công G vẫn thường xuyên gọi điện về và hàng tháng gửi tiền về cho gia đình để nuôi dưỡng cháu.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Công G vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh G là bà Nguyễn Thị K và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh G không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh G; Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh G là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51; điều 53; điều 56, 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Công G.

Về con chung: giao con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2016 cho anh G nuôi dưỡng có sự hỗ trợ của ông bà nội.

Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Chị Lê Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Đối với bị đơn anh Lê Công G vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh G là bà Nguyễn Thị K để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà K thông báo cho anh G biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Lê Thị H và anh Lê Công G; Yêu cầu anh G viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà K cung cấp địa chỉ cụ thể của anh G ở Đài Loan. Bà Nguyễn Thị K trình bày: Anh G vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà K vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh G cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh G biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Công G theo thủ tục chung.

**[2]. Về thẩm quyền:** Chị Lê Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Lê Công G, anh G hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 15989/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 18/9/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an, anh G xuất cảnh ngày 23/5/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh G ở Việt Nam là: Thôn M, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]. Về quan hệ Hôn nhân:** Chị H và anh G kết hôn năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh G làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và anh G có thừa nhận anh là người đồng tính. Đến năm 2019 thì anh G có đi lao động tại Đài Loan, từ khi anh G sang Đài Loan lao động thì vợ chồng ít liên lạc với nhau và nói chuyện thì thường hay mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Công G.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H với anh Lê Công G. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H về nhà anh G chung sống, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay. Năm 2019 anh G đi lao động tại Đài Loan vợ chồng ít liên lạc và mâu thuẫn hơn. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh G.

**[4]. Về con chung:** Chị H và anh G có 1 con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2016. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh Lê Công G nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu đề nghị của chị H về giao con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2016 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: hiện nay cháu Lê Thị Phương A đang ở cùng anh G và ông bà nội là bố, mẹ đẻ của anh G, cháu A được ông bà nội chăm sóc cháu phát triển bình thường. Bố mẹ anh G có đơn trình bày tự nguyện cam đoan hỗ trợ anh G chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh G, chị H trong thời gian anh G đi lao động nước ngoài. Mặt khác, để ổn định tâm lý cũng như việc ở, học tập của cháu Phương A nên đề nghị của chị H giao con chung cho anh G chăm sóc, nuôi dưỡng có sự hỗ trợ của bố mẹ anh G là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi của con chung. Nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2016 cho anh Lê Công G nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]. Về tài sản, công nợ:** Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

**[7]. Về quyền kháng cáo bản án:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Công G.

**2.Về con chung:** Giao con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2016 cho anh Lê Công G nuôi dưỡng. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

**3.Về án phí:** Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000706 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

**4.Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Lê Công G hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**



